

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-ST
Ngày 26 - 4 - 2024
“V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Nở.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hà Thị Hương.
- Bà Trần Thị Minh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hoàng – Là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy - Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2023/TLST – DS ngày 17/10/2023 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024, Thông báo về việc chuyển thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 19 tháng 3 tháng 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-DS ngày 09/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Nh, sinh năm 19xx. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã C, huyện C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Th, sinh năm 19xx. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn xx, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Mậu A, sinh năm 20xx. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn xx, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

+ Bà Phan Thị Q. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Đình Tr. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bà Nguyễn Thị Kh. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

3. Chị Huỳnh Thị Thu Ph, sinh năm 20xx. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã C, huyện M, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Nh trình bày:

Ngày 15/4/2022, giữa ông Huỳnh Ngọc Nh với anh Trần Mậu A và bà Phan Thị Th (Viết tắt là mẹ con bà Th) xác lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 3xx, tờ bản đồ số x, diện tích 10m x 60m, địa chỉ thửa đất: thôn xx, xã M, huyện M, tỉnh Đ; với số tiền 740.000.000 đồng, ông Nh đã đặt cọc cho mẹ con bà Th số tiền 450.000.000 đồng nhưng hết thời gian đặt cọc, đã nhiều lần ông Nh yêu cầu mẹ con bà Th tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng mẹ con bà Th từ chối và lẩn tránh nhiều lần. Ông Nh đã yêu cầu mẹ con bà Th trả lại tiền cọc nhưng mẹ con bà Th không trả. Vào tháng 10/2022, ông Nh đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar giải quyết về tranh chấp hợp đồng đặt cọc giữa ông Nh với mẹ con bà Th. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mẹ con bà Th đã trả cho ông Nh số tiền 290.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 160.000.000 đồng, mẹ con bà Th không trả cho ông Nh nên Tòa án đã tiến hành xét xử bằng Bản án số 06/2023/DS-ST ngày 24/02/2023 tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Nh, buộc bà Th và ông An có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nh số tiền 160.000.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nh

đã yêu cầu thi hành án và có đơn ngăn chặn tài sản của mẹ con bà Th; mẹ con bà Th không tiến hành giao dịch được nên đã xin ông Nh rút đơn ngăn chặn để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất mới có tiền trả cho ông Nh thì ông Nh đồng ý. Giữa ông Nh với bà Th có lập biên bản thỏa thuận về việc bà Th và ông An còn nợ ông Nh số tiền 160.000.000 đồng, hẹn ngày 26/5/2023 trả đủ và tiền lãi tính theo lãi suất Ngân hàng.

Ngày 11/5/2023, bà Th trả cho ông Nh số tiền 40.000.000 đồng (chuyển khoản vào số tài khoản Ngân hàng của con gái ông Nh là chị Huỳnh Thị Thu Ph), số tiền còn lại là 120.000.000 đồng. Số tiền này ông Nh chưa viết giấy nhận tiền cho bà Th.

Đến ngày 16/6/2023, bà Th tiếp tục trả cho ông Nh số tiền 60.000.000 đồng tiền mặt. Ông Nh đã viết một giấy đề ngày 16/6/2023 với nội dung xác nhận bà Th đã trả cho ông Nh số tiền 100.000.000 đồng, trong đó gồm: số tiền 40.000.000 đồng bà Th đã chuyển khoản trả cho ông Nh vào ngày 11/5/2023 và số tiền 60.000.000 đồng nêu trên. Số tiền còn lại bà Th phải trả cho ông Nh là 100.000.000 đồng (trong đó gồm: 60.000.000 đồng là nợ gốc và 40.000.000 đồng là nợ lãi mà các bên đã thỏa thuận). Đến ngày 21/7/2023, bà Th tiếp tục trả cho ông Nh số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 80.000.000 đồng (trong đó: 40.000.000 đồng là nợ gốc và 40.000.000 đồng là nợ lãi phát sinh).

Vì vậy, ông Nh đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th và ông A liên đới trả cho ông Nh tổng số tiền 80.000.000 đồng, trong đó: 40.000.000 đồng là nợ gốc và 40.000.000 đồng là nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục trả lãi phát sinh 1%/tháng cho đến khi trả hết nợ, với tiền đi lại bỏ công việc làm là 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nh rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 40.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh, tiền công đi lại và rút phần yêu cầu ông Trần Mậu A có nghĩa vụ liên đới với bà Phan Thị Th trả nợ cho ông Nh vì sau khi ông Nh rút đơn yêu cầu thi hành án thì chỉ có ông Nh và bà Th thỏa thuận lại số nợ gốc, nợ lãi tại Giấy hẹn trả nợ ngày 26/5/2023. Ông A không biết sự thỏa thuận giữa ông Nh và bà Th, ông A cũng không ký tên trong Giấy hẹn trả nợ nêu trên.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng bị đơn bà Phan Thị Th trình bày:

Bà Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nh vì bà Th đã trả đủ số tiền 160.000.000 đồng cho ông Nh theo Quyết định của Bản án số 06/2023/DS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, cụ thể: ngày 11/5/2023 bà Th trả cho ông Nh số tiền 40.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản của con gái ông Nh là chị Huỳnh Thị Thu Ph; ngày 16/6/2023 bà Th trả cho

ông Nh số tiền 100.000.000 đồng; ngày 21/7/2023 bà Th trả cho ông Nh số tiền 20.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi ông Nh yêu cầu, bà Th không có tiền trả nên đề nghị ông Nh bỏ lãi cho bà Th.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Mậu A đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Q trình bày:

Bà Phan Thị Q không có mối quan hệ gì với ông Nh. Bà Q và ông Trần Đình Tr có mối quan hệ là vợ chồng. Bà Q là chị ruột của bà Th và là dì ruột của anh An.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Ngọc Nh có cung cấp tài liệu thể hiện nội dung: *“Tôi tên là Phan Thị Q, sinh năm 20/8/1979 thường trú tại thôn bình Hòa Xã Ea mnang cumga Đắc Lắc số căn cước 025179014814 cấp ngày 12/8/2021 nay tôi đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ số tiền là 160.000.000 một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn hẹn trong thời gian là 30 ngày ghi trong giấy, phía cuối góc phải có chữ ký, chữ viết Phan Thị Q”* là do ông Nh yêu cầu bà Q viết, với mục đích để bà Q đôn đốc nhắc nhở bà Th có trách nhiệm trả nợ cho ông Nh vì số tiền nêu trên là bà Th nợ ông Nh, không liên quan gì đến bà Q, về thời gian viết thì bà Q không nhớ, bà Q chỉ nhớ là viết trước khi ông Nh rút toàn bộ ngăn chặn tài sản của bà Th tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M’gar để cho bà Th làm thu tục sang tên. Ngoài ra, ông Huỳnh Ngọc Nh còn cung cấp tài liệu là Giấy trả nợ ngày 16/6/2023, phía dưới góc trái có chữ ký, chữ viết *“Trần Đình Tr”* và *“Phan Thị Q”* là do ông Trọng và bà Q viết với tư cách là người làm chứng.

- Tại bản tự khai người làm chứng chị Huỳnh Thị Thu Ph trình bày:

Chị Huỳnh Thị Thu Ph là con của ông Huỳnh Ngọc Nh. Chị Ph không có mối quan hệ gì với mẹ con bà Th và bà Phan Thị Q. Ngày 11/5/2023, ông Nh có mượn số tài khoản của chị Ph tại Ngân hàng Vietcombank để bà Th chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng. Chị Ph không biết bà Th chuyển số tiền nêu trên nhằm mục đích để làm gì. Chị Ph đã rút toàn bộ số tiền nêu trên giao cho ông Nh.

- Tại bản tự khai người làm chứng bà Nguyễn Thị Kh trình bày:

Bà Kh không có mối quan hệ gì với ông Nh và bà Th. Ngày 12/5/2023, bà Kh có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Th với số tiền 932.000.000 đồng, đặt cọc trước số tiền 250.000.000 đồng, còn lại số tiền 682.000.000 đồng, bà Kh giữ lại số tiền 160.000.000 đồng để trả cho ông Nh theo Giấy cam kết ông Nh viết cùng ngày. Tuy nhiên, ngày bà Kh trả tiền cho bà Th, bà Kh có gọi điện thoại cho ông Nh rất nhiều lần để nhận số tiền 160.000.000 đồng nhưng ông Nh không đến

nhận, ông Nh có nhắn tin qua số điện thoại của bà Th rằng bà Kh giao đủ tiền cho bà Th, ông Nh sẽ đến nhà bà Th để lấy tiền. Bà Kh đã giao đủ tiền cho bà Th, sau đó bà Th có trả số tiền 160.000.000 đồng cho ông Nh hay không thì bà Kh không biết.

- Người làm chứng ông Trần Đình Tr đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người làm chứng bà Nguyễn Thị Kh, chị Huỳnh Thị Thu Ph đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 75, Điều 77 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng ông Trần Đình Tr đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 75, Điều 77 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Nh. Buộc bà Phan Thị Th trả số tiền 40.000.000 đồng cho ông Huỳnh Ngọc Nh.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Nh đối với nội dung:

+ Buộc bà Phan Thị Th phải trả 40.000.000 đồng tiền lãi và lãi phát sinh từ ngày 22/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Buộc ông Trần Mậu A liên đới cùng bà Phan Thị Th trả nợ cho ông Huỳnh Ngọc Nh.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”. Tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Nh yêu cầu bà Phan Thị Th và anh Trần Mậu A trả cho ông Nh số tiền 80.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định thay đổi quan hệ tranh chấp thành “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Bà Phan Thị Th và anh Trần Mậu A cư trú tại: Thôn xx, xã M', huyện M, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xác định anh Trần Mậu A tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Nh rút phần yêu cầu anh Trần Mậu A có nghĩa vụ liên đới với bà Phan Thị Th trả nợ cho ông Nh nên Hội đồng xét xử xác định thay đổi tư cách tham gia tố tụng của anh A thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Phan Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Mậu A, bà Phan Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Nh buộc bà Phan Thị Th trả cho ông Nh nợ gốc số tiền 40.000.000 đồng.

Tại Bản án số: 06/2023/DS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã buộc bà Phan Thị Th và anh Trần Mậu A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nh số tiền 160.000.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nh có đơn yêu cầu thi hành án. Trong quá trình thi hành án, ông Nh và bà Th lập biên bản thỏa thuận, hẹn ngày 26/5/2023 bà Th sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho ông Nh, tiền lãi tính theo lãi suất Ngân hàng. Vì vậy, ông Nh rút đơn yêu cầu thi hành án để mẹ con bà Th xử lý tài sản trả nợ cho ông Nh. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thỏa thuận bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông Nh.

Trong quá trình tố tụng, ông Nh trình bày “...ngày 16/6/2023, bà Th tiếp tục trả cho ông Nh số tiền 60.000.000 đồng tiền mặt. Ông Nh đã viết một giấy đề ngày 16/6/2023 với nội dung xác nhận bà Th đã trả cho ông Nh số tiền 100.000.000 đồng, trong đó gồm: số tiền 40.000.000 đồng bà Th đã chuyển khoản trả cho ông

Nh vào ngày 11/5/2023 qua số tài khoản của con gái ông Nh là chị Huỳnh Thị Thu Ph và số tiền 60.000.000 đồng nêu trên. Số tiền còn lại bà Th phải trả cho ông Nh là 100.000.000 đồng (trong đó gồm: 60.000.000 đồng là nợ gốc và 40.000.000 đồng là nợ lãi mà các bên đã thỏa thuận)...”. Tuy nhiên, bà Th không đồng ý với ý kiến của ông Nh và cho rằng đã trả hết nợ cho ông Nh. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th thừa nhận chữ ký, chữ viết phía cuối giấy nhận tiền ngày 16/6/2023 là do bà Th ký và viết, chứng tỏ bà Th thừa nhận còn nợ ông Nh số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, lời trình bày của ông Nh là có căn cứ chấp nhận.

Đến ngày 21/7/2023, bà Th tiếp tục trả cho ông Nh số tiền gốc là 20.000.000 đồng, ông Nh là người viết giấy nhận tiền. Như vậy, bà Th còn nợ ông Nh số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nh, buộc bà Th trả cho ông Nh nợ gốc số tiền 40.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, ông Nh rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 40.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh, tiền công đi lại và rút phần yêu cầu anh Trần Mậu A có nghĩa vụ liên đới với bà Phan Thị Th trả nợ cho ông Nh vì anh A không tham gia ký kết biên bản thỏa thuận về việc bà Th và anh An còn nợ ông Nh số tiền 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ pháp lý nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị Th phải chịu án phí theo quy định, cụ thể: 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3, khoản 4 Điều 68; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Nh.

Buộc bà Phan Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Ngọc Nh số tiền 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 40.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh, tiền công đi lại và yêu cầu anh Trần Mậu A có nghĩa vụ liên đới với bà Phan Thị Th trả nợ cho ông Huỳnh Ngọc Nh.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Ngọc Nh không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nh được nhận lại số tiền 2.250.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0014622 ngày 11/10/2023.

Bà Phan Thị Th phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phùng Thị Nở